

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-34
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất tiền thân là Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được thành lập năm 1965 trên cơ sở sáp nhập 02 bộ phận sản xuất quạt điện của hai xí nghiệp là Công tư hợp doanh Điện Thông và Điện Cơ Tam Quang với nhiệm vụ sản xuất các loại quạt điện phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Năm 1970 Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được ra đời trên cơ sở sáp nhập bộ phận còn lại của Xí nghiệp Tam Quang vào Xí nghiệp Điện khí Thống nhất. Trải qua nhiều lần đổi tên, đến năm 2015 Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất. Công ty chính thức chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 09 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100449, đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 22 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Trọng Dân	Chủ tịch
Ông Vũ Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Quang	Ủy viên
Ông Mai Xuân Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đình Đông	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng ban
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đình Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được lập ngày 15 tháng 08 năm 2022, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2018-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		921.243.094.391	960.255.056.669
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	174.534.995.215	109.312.425.600
111	1. Tiền		99.534.995.215	109.312.425.600
112	2. Các khoản tương đương tiền		75.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	326.819.688.600	326.819.688.600
121	1. Chứng khoán kinh doanh		350.479.588.600	350.479.588.600
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(23.659.900.000)	(23.659.900.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		52.946.234.335	4.096.872.910
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	4	1.263.906.849	123.461.843
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	50.872.396.030	3.163.479.611
139	3. Tài sản thiếu chờ xử lý		809.931.456	809.931.456
140	IV. Hàng tồn kho	7	366.774.859.476	508.524.761.399
141	1. Hàng tồn kho		366.774.859.476	508.524.761.399
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		167.316.765	11.501.308.160
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	167.316.765	14.288.362
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	11.487.019.798
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		47.235.104.786	51.232.378.082
220	II. Tài sản cố định		14.581.191.480	17.611.670.266
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	14.581.191.480	17.611.670.266
222	- Nguyên giá		207.588.653.158	206.732.268.558
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(193.007.461.678)	(189.120.598.292)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		32.653.913.306	33.620.707.816
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	32.653.913.306	33.620.707.816
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		968.478.199.177	1.011.487.434.751

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		509.541.836.028	599.732.366.267
310	I. Nợ ngắn hạn		509.541.836.028	599.732.366.267
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	96.968.568.275	49.945.032.186
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	75.067.963.585	24.495.143.234
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	14.841.125.820	10.103.207.909
314	4. Phải trả người lao động		22.485.249.352	24.806.500.284
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	959.710.766	426.948.457
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	43.097.111.737	43.205.900.653
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	198.916.744.122	378.497.901.348
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	48.103.723.182	59.382.543.516
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		9.101.639.189	8.869.188.680
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		458.936.363.149	411.755.068.484
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	458.936.363.149	411.755.068.484
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		160.159.970.000	160.159.970.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		160.159.970.000	160.159.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		335.210.030	335.210.030
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		298.441.183.119	251.259.888.454
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		247.635.441.945	147.704.273.908
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		50.805.741.174	103.555.614.546
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		968.478.199.177	1.011.487.434.751


Phạm Thị Kim Ngân
Người lập

Hoàng Văn Huy
Q. Kế toán trưởngVũ Đình Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	696.481.509.754	706.755.440.871
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		696.481.509.754	706.755.440.871
11	4. Giá vốn hàng bán	20	589.439.757.112	579.448.491.752
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		107.041.752.642	127.306.949.119
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	604.114.487	993.800.762
22	7. Chi phí tài chính	22	5.902.436.857	4.034.988.926
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.801.818.490	3.918.902.860
25	8. Chi phí bán hàng	23	22.292.357.390	33.236.337.680
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	15.514.529.248	24.702.411.136
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		63.936.543.634	66.327.012.139
31	11. Thu nhập khác		36.877.000	40.042.000
32	12. Chi phí khác		15.600	1.056.450
40	13. Lợi nhuận khác		36.861.400	38.985.550
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		63.973.405.034	66.365.997.689
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	13.167.663.860	14.271.722.040
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>50.805.741.174</u>	<u>52.094.275.649</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	3.172	3.643

Ngân

Huy



Phạm Thị Kim Ngân
Người lập

Hoàng Văn Huy
Q. Kế toán trưởng

Vũ Đình Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		63.973.405.034	66.365.997.689
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.325.200.358	5.099.771.261
03	- Các khoản dự phòng		(11.278.820.334)	(12.071.853.590)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(604.114.487)	(982.192.825)
06	- Chi phí lãi vay		5.801.818.490	3.918.902.860
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		62.217.489.061	62.330.625.395
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(39.244.849.572)	7.136.955.139
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		141.749.901.923	45.008.883.901
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		99.822.313.882	102.568.460.883
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		375.429.135	396.934.705
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.505.686.181)	(4.077.738.552)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.849.113.239)	(21.205.220.476)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.391.996.000)	(4.325.560.331)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		243.173.489.009	187.833.340.664
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(856.384.600)	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.486.622.432	907.455.838
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.630.237.832	907.455.838
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		256.000.149.339	365.622.027.636
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(435.581.306.565)	(519.544.149.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(179.581.157.226)	(153.922.121.764)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		65.222.569.615	34.818.674.738
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		109.312.425.600	51.865.225.560
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	174.534.995.215	86.683.900.298

Ngân

Huy



Phạm Thị Kim Ngân
Người lập

Hoàng Văn Huy
Q. Kế toán trưởng

Vũ Đình Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất tiền thân là Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được thành lập năm 1965 trên cơ sở sáp nhập 02 bộ phận sản xuất quạt điện của hai xí nghiệp là Công ty hợp doanh Điện Thông và Điện Cơ Tam Quang với nhiệm vụ sản xuất các loại quạt điện phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Năm 1970 Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được ra đời trên cơ sở sáp nhập bộ phận còn lại của Xí nghiệp Tam Quang vào Xí nghiệp Điện khí Thống nhất. Trải qua nhiều lần đổi tên, đến năm 2015 Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất. Công ty chính thức chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 09 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100449, đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 22 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 160.159.970.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 160.159.970.000 đồng; tương đương 16.015.997 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 997 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 1014 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và tiêu thụ quạt điện các loại.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Hà Nam	Hà Nam	Sản xuất quạt điện các loại

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư hoặc đánh giá tổn thất của Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến từng khoản đầu tư tài chính.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán ghi nhận là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành sản phẩm được Công ty trích lập theo tỷ lệ 5% doanh thu cho các sản phẩm đã bán và tỷ lệ thời gian bảo hành còn lại trên tổng thời gian bảo hành là 12 tháng.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Trong kỳ, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo các loại quạt điện và tất cả các hoạt động đều diễn ra trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.537.880.035	165.821.808
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	97.997.115.180	109.146.603.792
Các khoản tương đương tiền	75.000.000.000	-
	174.534.995.215	109.312.425.600

Tại ngày 30/06/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng có giá trị 75.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,2%/năm đến 4%/năm.

4 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần thương mại và công nghệ Á Châu	596.541.000	-	-	-
Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	569.140.000	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	98.225.849	-	123.461.843	-
	1.263.906.849	-	123.461.843	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	350.479.588.600	(23.659.900.000)	350.479.588.600	(23.659.900.000)
<i>Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà (*)</i>	56.813.900.000	(23.659.900.000)	56.813.900.000	(23.659.900.000)
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô</i>	8.112.000.000	-	8.112.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ (Artextport)</i>	285.553.688.600	-	285.553.688.600	-
	350.479.588.600	(23.659.900.000)	350.479.588.600	(23.659.900.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Trong năm 2020, Công ty thực hiện chuyển nhượng 350.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Việt Hà cho đối tác, đồng thời trích lập dự phòng đối với số lượng cổ phần đang nắm giữ còn lại căn cứ giá chuyển nhượng của 350.000 cổ phần đã bán trong năm 2020. Trong năm 2022, do không có thông tin về giao dịch của cổ phiếu này nên Công ty không có cơ sở xem xét trích lập/hoàn nhập dự phòng bổ sung đối với khoản đầu tư này.

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Hà Nội	1.507.000	7,01%	Kinh doanh bia và nước giải khát
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	Hà Nội	202.800	10,00%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ (Artextport)	Hà Nội	5.004.900	5,26%	Thương mại, xuất nhập khẩu

Theo định hướng nắm giữ các khoản đầu tư, Công ty dự kiến sẽ chuyển nhượng các khoản đầu tư này khi thị trường phù hợp mà không có ý định nắm giữ lâu dài. Do đó, Công ty trình bày các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này ở mục chứng khoán kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	2.001.960.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	119.452.055	-	-	-
Tạm ứng	200.000.000	-	203.545.000	-
Phải thu về ủy thác đầu tư và hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	50.000.000.000	-	-	-
Thuế TNCN của người lao động	552.943.975	-	957.974.611	-
	50.872.396.030	-	3.163.479.611	-

(*) Khoản đặt cọc liên quan đến hợp đồng kinh doanh với đối tác có giá trị 50.000.000.000 đồng để tìm kiếm cơ hội kinh doanh, lên kế hoạch triển khai dự án kinh doanh, thực hiện việc đầu tư, kinh doanh và cùng phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên. Thời hạn Hợp đồng đến ngày 30/09/2022.

b) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan

	-	-	2.001.960.000	-
--	---	---	---------------	---

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	73.438.272.022	-	77.275.551.823	-
Công cụ, dụng cụ	1.322.576.943	-	1.310.026.588	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	85.623.797.668	-	103.446.728.077	-
Thành phẩm	206.390.212.843	-	326.492.454.911	-
	366.774.859.476	-	508.524.761.399	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	97.656.003.675	102.804.557.310	5.139.360.809	1.132.346.764	206.732.268.558				
- Mua trong kỳ	-	856.384.600	-	-	856.384.600				
Số dư cuối kỳ	97.656.003.675	103.660.941.910	5.139.360.809	1.132.346.764	207.588.653.158				
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	87.068.659.690	96.386.985.205	4.846.943.865	818.009.532	189.120.598.292				
- Khấu hao trong kỳ	2.173.501.713	1.569.934.578	91.541.556	51.885.539	3.886.863.386				
Số dư cuối kỳ	89.242.161.403	97.956.919.783	4.938.485.421	869.895.071	193.007.461.678				
Giá trị còn lại	10.587.343.985	6.417.572.105	292.416.944	314.337.232	17.611.670.266				
Tại ngày đầu năm	8.413.842.272	5.704.022.127	200.875.388	262.451.693	14.581.191.480				
Tại ngày cuối kỳ									

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.906.327.022 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 145.120.354.118 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	33.974.793	14.288.362
Chi phí quản lý và bảo dưỡng Khu công nghiệp	133.341.972	-
	167.316.765	14.288.362
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước dài hạn khác (*)	32.653.913.306	33.620.707.816
	32.653.913.306	33.620.707.816

(*) Thông tin chi tiết về hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng Văn được trình bày tại Thuyết minh số 18 - "Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động".

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Ánh Dương	8.379.724.320	8.379.724.320	6.186.740.560	6.186.740.560
Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại & Xuất nhập khẩu Lụa Tuyết	7.010.321.769	7.010.321.769	4.994.615.296	4.994.615.296
Công ty TNHH Dây và cáp điện Trường Hải	12.855.616.423	12.855.616.423	6.944.306.666	6.944.306.666
Công ty TNHH Ống thép 190	6.316.770.426	6.316.770.426	1.954.305.280	1.954.305.280
Phải trả các đối tượng khác	62.406.135.337	62.406.135.337	29.865.064.384	29.865.064.384
	96.968.568.275	96.968.568.275	49.945.032.186	49.945.032.186

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH thương mại tổng hợp Việt Đức	11.902.084.788	-
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Ngân Hà	5.205.066.243	-
Công ty TNHH Thiết bị điện 1-5	4.801.896.684	-
Công ty TNHH thiết bị điện Bảo Lan	3.993.586.593	-
Các đối tượng khác	49.165.329.277	24.495.143.234
	75.067.963.585	24.495.143.234

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Bảo cáo tài chính giữa niên độ

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	10.237.699.215	5.577.148.308	-	4.660.550.907					
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	387.798.677	387.798.677	-	-					
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	9.842.732.066	-	13.167.663.860	12.849.113.239	-	10.161.282.687					
Thuế Thu nhập cá nhân	-	260.475.843	-	334.422.732	575.606.349	-	19.292.226					
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	2.080.876.081	2.080.876.081	-	-					
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-					
	-	10.103.207.909	-	26.212.460.565	21.474.542.654	-	14.841.125.820					

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trưng Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	576.855.766	280.723.457
- Chi phí phải trả khác	382.855.000	146.225.000
	<u>959.710.766</u>	<u>426.948.457</u>

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	9.933.058.241	9.933.058.241
- Kinh phí công đoàn	306.119.000	314.069.000
- Bảo hiểm xã hội	12.773.809	24.133.443
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.216.310.000	4.216.310.000
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	27.972.000.000	27.972.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	656.850.687	746.329.969
	<u>43.097.111.737</u>	<u>43.205.900.653</u>

(*) Khoản phải trả liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác có giá trị 27.750.000.000 đồng để tìm kiếm cơ hội kinh doanh, lên kế hoạch triển khai dự án kinh doanh, thực hiện việc đầu tư, kinh doanh và cùng phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên. Trong năm 2020, Công ty đã sử dụng nguồn tiền nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này để đầu tư cổ phiếu Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ Artexport. Phần tăng thêm là cổ tức nhận được của đối tác liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

15 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (1)	94.530.080.631	94.530.080.631	97.864.570.535	99.556.127.686	92.838.523.480	92.838.523.480
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	91.240.412.450	91.240.412.450	6.717.710.819	97.958.123.269	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nội (2)	55.744.326.354	55.744.326.354	47.754.162.035	79.761.589.928	23.736.898.461	23.736.898.461
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (3)	136.983.081.913	136.983.081.913	103.663.705.950	158.305.465.682	82.341.322.181	82.341.322.181
	378.497.901.348	378.497.901.348	256.000.149.339	435.581.306.565	198.916.744.122	198.916.744.122

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/147030/HĐTĐ ngày 13/08/2021, với điều khoản như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này;
- + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 92.838.523.480 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 49785.21.051.2988221 TD ngày 30/09/2021 với điều khoản như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 01/09/2022;
- + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 23.736.898.461 đồng;
- + Hình thức đảm bảo vay: tín chấp.

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2022/HĐCTD/VCBHN-ĐCTN ngày 22/04/2022, với điều khoản như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 140.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 82.341.322.181 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

16 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa ⁽¹⁾	35.174.382.582	23.073.488.781
- Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp ⁽²⁾	12.929.340.600	13.019.054.735
- Dự phòng quỹ tiền lương	-	23.290.000.000
	48.103.723.182	59.382.543.516

(1) Căn cứ theo điều khoản về bảo hành sản phẩm 12 tháng tại hợp đồng bán hàng và tài liệu đánh giá nội bộ của Công ty. Dự phòng bảo hành sản phẩm được Công ty trích lập theo tỷ lệ 5% doanh thu cho các sản phẩm đã bán và tỷ lệ thời gian bảo hành còn lại trên tổng thời gian bảo hành là 12 tháng.

(2) Số dư dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp là số liệu tính toán tiền trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động tại Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo quy định của Luật lao động căn cứ theo chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	143.000.000.000	335.210.030	167.786.823.862	311.122.033.892
Lãi trong kỳ trước	-	-	52.094.275.649	52.094.275.649
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.922.579.954)	(2.922.579.954)
Số dư cuối kỳ trước	143.000.000.000	335.210.030	216.958.519.557	360.293.729.587
Số dư đầu năm nay	160.159.970.000	335.210.030	251.259.888.454	411.755.068.484
Lãi trong kỳ này	-	-	50.805.741.174	50.805.741.174
Phân phối lợi nhuận	-	-	(3.624.446.509)	(3.624.446.509)
Số dư cuối kỳ này	160.159.970.000	335.210.030	298.441.183.119	458.936.363.149

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 233/NQ-ĐCTN-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 05 năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.624.446.509
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ) (*)	19.219.196.400

(*) Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa hoàn thành các thủ tục chốt danh sách chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Nguyễn Việt Oanh	24,2%	38.821.440.000	24,2%	38.821.440.000
Nguyễn Hồng Dũng	16,8%	26.880.000.000	16,8%	26.880.000.000
Dương Văn Can	8,7%	14.000.000.000	8,7%	14.000.000.000
Nguyễn Đức Thắng	6,2%	9.889.600.000	6,2%	9.889.600.000
Các cổ đông khác	44,1%	70.568.930.000	44,1%	70.568.930.000
	100%	160.159.970.000	100%	160.159.970.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2022	2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	160.159.970.000	143.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>160.159.970.000</i>	<i>143.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>160.159.970.000</i>	<i>143.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>4.216.310.000</i>	<i>4.219.550.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>4.216.310.000</i>	<i>4.219.550.000</i>
d) Cổ phiếu		
	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.015.997	16.015.997
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	16.015.997	16.015.997
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>16.015.997</i>	<i>16.015.997</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.015.997	16.015.997
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>16.015.997</i>	<i>16.015.997</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
a) Cam kết thuê hoạt động		
<p>Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 28/2010/HDKT-HN ngày 13 tháng 09 năm 2010 với Công ty Cổ phần Phát triển Hà Nam diện tích 49.971 m2 tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 03, Khu công nghiệp Đồng Văn II, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam với mục đích sử dụng đất khu công nghiệp. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 18 tháng 10 năm 2056 với phương thức thuê đất trả tiền một lần. Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa chỉ 164 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội với diện tích khu đất thuê là 29,528 m2. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.</p>		
b) Ngoại tệ các loại		
	30/06/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	43.366,31	4.543,57
19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2022	2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	696.284.081.992	706.509.722.486
Doanh thu cung cấp dịch vụ	197.427.762	245.718.385
	696.481.509.754	706.755.440.871

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	589.435.517.257	579.442.878.404
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.239.855	5.613.348
	589.439.757.112	579.448.491.752

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	378.126.651	982.192.825
Cổ tức, lợi nhuận được chia	225.987.836	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	11.607.937
	604.114.487	993.800.762
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan	225.987.836	-

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)***22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.801.818.490	3.918.902.860
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	100.618.367	116.086.066
	5.902.436.857	4.034.988.926

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.048.250	27.541.379
Chi phí nhân công	3.439.786.958	4.903.085.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	211.873.251	64.250.376
Chi phí khác bằng tiền	6.519.755.130	17.038.153.402
Chi phí bảo hành	12.100.893.801	11.203.307.410
	22.292.357.390	33.236.337.680

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	393.909.234	435.499.992
Chi phí nhân công	10.674.458.431	16.651.104.767
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.482.844	316.416.624
Thuế, phí, lệ phí	90.275.844	89.556.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.689.750	432.191.213
Chi phí khác bằng tiền	4.065.713.145	6.777.641.916
	15.514.529.248	24.702.411.136
Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)</i>	166.388.333	160.697.723

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63.973.405.034	66.365.997.689
Các khoản điều chỉnh tăng	2.090.902.103	4.992.612.507
- Chi phí không hợp lệ	2.090.902.103	4.992.612.507
Các khoản điều chỉnh giảm	(225.987.836)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(225.987.836)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	65.838.319.301	71.358.610.196
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	13.167.663.860	14.271.722.040
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	9.842.732.066	18.198.839.303
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(12.849.113.239)	(21.205.220.476)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	10.161.282.687	11.265.340.867

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	50.805.741.174	52.094.275.649
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	50.805.741.174	52.094.275.649
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	16.015.997	14.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.172	3.643

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	391.447.385.917	417.621.642.903
Chi phí nhân công	80.220.143.806	112.543.360.954
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.886.863.386	4.661.434.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.276.583.871	9.505.286.317
Chi phí khác bằng tiền	6.490.494.294	26.267.411.193
	489.321.471.274	570.599.135.656

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	174.534.995.215	-	109.312.425.600	-
Phải thu khác	50.872.396.030	-	3.163.479.611	-
Đầu tư ngắn hạn	350.479.588.600	(23.659.900.000)	350.479.588.600	(23.659.900.000)
	575.886.979.845	(23.659.900.000)	462.955.493.811	(23.659.900.000)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	198.916.744.122	378.497.901.348
Phải trả người bán, phải trả khác	140.065.680.012	93.150.932.839
Chi phí phải trả	959.710.766	426.948.457
	339.942.134.900	472.075.782.644

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	174.534.995.215	-	-	174.534.995.215
Phải thu khác	50.872.396.030	-	-	50.872.396.030
	<u>225.407.391.245</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>225.407.391.245</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.312.425.600	-	-	109.312.425.600
Phải thu khác	3.163.479.611	-	-	3.163.479.611
	<u>112.475.905.211</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>112.475.905.211</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Vay và nợ	198.916.744.122	-	-	198.916.744.122
Phải trả người bán, phải trả khác	140.065.680.012	-	-	140.065.680.012
Chi phí phải trả	959.710.766	-	-	959.710.766
	<u>339.942.134.900</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>339.942.134.900</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	378.497.901.348	-	-	378.497.901.348
Phải trả người bán, phải trả khác	93.150.932.839	-	-	93.150.932.839
Chi phí phải trả	426.948.457	-	-	426.948.457
	<u>472.075.782.644</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>472.075.782.644</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . THÔNG TIN KHÁC

Theo thông báo số 6507/VSD-ĐK.NV của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày 14/06/2022 về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 27/2022/GCMCP-VSD ngày 14/06/2022 và cấp mã chứng khoán VNW cho Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất. Theo đó, VSD nhận lưu ký cổ phiếu VNW từ ngày 15/06/2022.

Ngày 30/06/2022, Công ty gửi thông báo 616/2022/ĐCTN-CV tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Công ty không đáp ứng quy định tại Khoản a Điểm 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019. Theo đó, Công ty xin thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và xem xét hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng và đang chờ chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Bùi Trọng Dân	Chủ tịch HĐQT Công ty
Ông Vũ Đình Đông	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Vinh (Miễn nhiệm ngày 15/11/2021)	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng (Miễn nhiệm ngày 15/11/2021)	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thành Quang	Thành viên HĐQT
Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ (Artexport)	Cùng thành viên HĐQT - Ông Vũ Hải
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Cùng thành viên HĐQT - Ông Bùi Trọng Dân
Công ty Cổ phần kinh doanh và đầu tư Việt Hà	Ông Mai Xuân Sơn - Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần kinh doanh và đầu tư Việt Hà

Công ty có các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	225.987.836	-
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	225.987.836	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	166.388.333	160.697.723
Công ty Cổ phần kinh doanh và đầu tư Việt Hà	166.388.333	160.697.723

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khác	-	2.001.960.000
Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ (Artexport)	-	2.001.960.000
Chứng khoán kinh doanh	342.367.588.600	342.367.588.600
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	56.813.900.000	56.813.900.000
Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ (Artexport)	285.553.688.600	285.553.688.600

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	704.669.000	2.029.642.460
Ông Vũ Đình Đông	332.831.000	413.894.493
Ông Vũ Hải	371.838.000	644.300.419
Ông Nguyễn Thành Vinh (Miễn nhiệm ngày 01/12/2021)	-	485.723.774
Ông Nguyễn Mạnh Hùng (Miễn nhiệm ngày 01/12/2021)	-	485.723.774
Thu nhập của thành viên khác trong Hội đồng Quản trị	390.000.000	631.675.439
Ông Bùi Trọng Dân	120.000.000	157.663.705
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	90.000.000	137.079.631
Ông Nguyễn Thành Quang	90.000.000	137.079.631
Ông Mai Xuân Sơn	90.000.000	137.079.631

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC Kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.



Phạm Thị Kim Ngân
Người lập



Hoàng Văn Huy
Q. Kế toán trưởng



Vũ Đình Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022